

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý I năm 2013

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		176.276.790.909	193.417.786.893
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		35.588.035.872	35.736.337.211
1. Tiền	111	4.1	10.193.253.392	19.550.892.550
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.394.782.480	16.185.444.661
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4.2	71.381.056.161	97.972.586.960
1. Phải thu khách hàng	131		50.215.608.973	79.284.050.220
2. Trả trước cho người bán	132		3.621.164.103	3.277.563.471
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		21.354.598.181	19.246.505.165
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.810.315.096)	(3.835.531.896)
IV. Hàng tồn kho	140	4.3	66.823.191.278	58.303.545.671
1. Hàng tồn kho	141		66.823.191.278	58.303.545.671
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4.4	2.484.507.598	1.405.317.051
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		267.342.264	64.250.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	60.000.000
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.217.165.334	1.281.067.051

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý I năm 2013

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2013	01/01/2013
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		113.915.452.765	117.643.537.115
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		26.993.801.793	30.778.741.393
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		26.993.801.793	30.778.741.393
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.611.303.070	6.830.837.884
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	6.272.586.218	5.984.347.475
- Nguyên giá	222		11.130.429.472	10.387.552.447
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.857.843.254)	(4.403.204.972)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.6	338.716.852	846.490.409
III. Bất động sản đầu tư	240	4.7	802.108.000	802.108.000
- Nguyên giá	241		802.108.000	802.108.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.8	72.779.345.695	72.779.345.695
1. Đầu tư vào công ty con	251		72.519.345.695	72.519.345.695
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		260.000.000	260.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	4.9	6.728.894.207	6.452.504.143
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		356.091.838	79.701.774
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		6.372.802.369	6.372.802.369
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		290.192.243.674	311.061.324.008

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý I năm 2013

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		134.841.972.125	158.488.342.716
I. Nợ ngắn hạn	310		123.806.772.125	133.461.633.961
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	4.10	2.086.922.106	6.486.471.086
2. Phải trả người bán	312	4.11	30.457.845.169	40.222.343.742
3. Người mua trả tiền trước	313	4.11	29.775.062.131	19.310.179.222
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.12	3.844.027.528	6.398.638.466
5. Phải trả người lao động	315	4.11	2.070.804.429	3.041.149.865
6. Chi phí phải trả	316	4.11	47.561.478.652	47.579.649.705
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.11	5.453.616.402	6.695.681.922
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	4.11	312.502.669	307.044.673
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.11	2.244.513.039	3.420.475.280
II. Nợ dài hạn	330		11.035.200.000	25.026.708.755
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	4.10	11.035.200.000	25.026.708.755
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		155.350.271.549	152.572.981.292
I. Vốn chủ sở hữu	410		155.350.271.549	152.572.981.292
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.13	80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.700.000.000	10.700.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		36.724.043.436	36.724.043.436

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý I năm 2013

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.272.578.035	6.272.578.035
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	4.14	21.653.650.078	18.876.359.821
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ và sắp xếp Doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố				
3. định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		290.192.243.674	311.061.324.008

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý I năm 2013

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/03/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
USD	(V.1)	408,83	408,75
EUR	(V.1)	3.395,37	3.394,79
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 18 tháng 04 năm 2013

Người lập biểu



LÊ MỸ PHƯỢNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG SƠN

Tổng Giám Đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	16.495.130.685	10.313.045.594	16.495.130.685	10.313.045.594
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		26.879.091		26.879.091	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	16.468.251.594	10.313.045.594	16.468.251.594	10.313.045.594
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.2	14.449.659.412	6.945.586.113	14.449.659.412	6.945.586.113
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.018.592.182	3.367.459.481	2.018.592.182	3.367.459.481
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.990.648.528	371.254.996	3.990.648.528	371.254.996
7.	Chi phí tài chính	22	5.4	178.219.923	306.403.421	178.219.923	306.403.421
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>178.219.923</i>	<i>306.403.421</i>	<i>178.219.923</i>	<i>306.403.421</i>
8.	Chi phí bán hàng	24	5.5	611.413.195	313.197.577	611.413.195	313.197.577
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	2.488.404.979	1.837.575.374	2.488.404.979	1.837.575.374
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.731.202.613	1.281.538.105	2.731.202.613	1.281.538.105
11.	Thu nhập khác	31	5.7	26.325.145	15.151.533	26.325.145	15.151.533
12.	Chi phí khác	32	5.8	1.294.992	3.036.000	1.294.992	3.036.000
13.	Lợi nhuận khác	40		25.030.153	12.115.533	25.030.153	12.115.533

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.756.232.766	1.293.653.638	2.756.232.766	1.293.653.638
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	23.878.385	324.370.872	23.878.385	324.370.872
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	181.134.713	-	181.134.713
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	4.14	2.732.354.381	788.148.053	2.732.354.381	788.148.053
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		342	99	342	99

Ngày 18 tháng 04 năm 2013

Người lập biểu



LÊ MỸ PHƯỢNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG SƠN

Tổng Giám Đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý I năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		2.756.232.766	1.293.653.638
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		454.638.282	240.673.087
-	Các khoản dự phòng	03		(19.758.804)	(17.866.883)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		461.768	
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.990.648.528)	(528.371.994)
-	Chi phí lãi vay	06		178.219.923	451.247.692
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(620.854.593)	1.439.335.540
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		30.936.570.419	19.171.202.568
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.519.645.607)	(4.526.059.603)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(5.176.101.273)	(5.614.693.322)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(479.482.328)	62.526.035
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(178.219.923)	(451.247.692)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(66.339.360)	651.929.801
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(936.098.283)	(569.495.324)
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		14.959.829.052	10.163.498.003
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(232.376.196)	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý I năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.515.765.308	393.371.994
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.283.389.112	393.371.994
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	821.248.035	865.167.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(18.730.905.770)	(4.288.826.667)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(481.400.000)	(481.400.000)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.391.057.735)	(3.905.059.667)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(147.839.571)	6.651.810.330
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	35.736.337.211	10.501.116.564
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(461.768)	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	35.588.035.872	17.152.926.894

Ngày 18 tháng 04 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





LÊ MỸ PHƯỢNG

NGUYỄN HOÀNG SƠN

TRẦN HOÀNG HUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 12 năm 2011.

Tên tiếng Anh: TIEN GIANG INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TICCO.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính: 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Công ty có 03 (ba) đơn vị phụ thuộc và hạch toán kế toán phụ thuộc là: Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa, Xí nghiệp kinh doanh Vật liệu xây dựng TICCO có trụ sở đặt tại 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và Sàn giao dịch Bất động sản TICCO có trụ sở đặt tại 166 đường Ấp Bắc, phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2013 là 81 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 12 năm 2011, hoạt động của Công ty là:

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi. Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

3. Cấu trúc tập đoàn

3.1 Các công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty Mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty Mẹ
1	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOCO	Lô số 1, 2, 3, 4, 5, 6 khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCOCO	90 Đình Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng TICCOCO An Giang	Số 3 Lê Lợi, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	72,60%	72,60%

3.2 Công ty liên kết

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty Mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty Mẹ
1	Công ty Cổ phần Testco	Lô số 1, 2, 3 khu công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	20,00%	20,00%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Riêng báo cáo này lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/03/2013.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Các thông tin tài chính đã được soạn lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27- Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Không có chuẩn mực kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013.

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

3.1. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp Nhập trước – xuất trước.

3.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

4.1. Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

4.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó thu khó đòi của Công ty được trích lập theo hướng dẫn tại thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

5.1. Nguyên tắc ghi nhận giá trị TSCĐ hữu hình

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm

6. Bất động sản đầu tư

Bao gồm quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty, được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài tại Quang Trung- Cái Cui, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, diện tích 125,5 m² và 103,5 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00462 và 00463 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/11/2004.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài nên không tính khấu hao.

7. Kế toán các khoản đầu tư tài chính

7.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

7.2. Phân loại các khoản đầu tư

- Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con.
- Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

7.3. Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các đơn vị khác được trích lập khi các đơn vị này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các đơn vị này theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

9. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trích trước

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn;
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

12. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập mỗi năm một lần vào cuối niên độ kế toán và chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;

- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp hoàn thành và được lập vào cuối kỳ kế toán năm hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ.

Đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản nợ dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

13.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất khu dân cư Long Thạnh Hưng và khu dân cư đường Trương định nổi dài được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết và công chứng đồng thời thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên cho người mua đã được hoàn tất.

13.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng

14.1 Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và xác nhận giữa hai bên A và B cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

14.2 Chi phí của hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng xây dựng.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn chuyển quyền sử dụng đất Khu dân cư Long Thạnh Hưng và Khu dân cư đường Trương Định nối dài.

Giá vốn 1m² đất chuyển nhượng tại Khu dân cư Long Thạnh Hưng và Khu dân cư đường Trương Định nối dài được xác định theo giá ước tính bằng cách lấy tổng giá trị đầu tư ước tính đến 31/03/2013 của toàn bộ công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng và Khu dân cư đường Trương Định nối dài chia cho tổng diện tích đất thương phẩm của khu dân cư Long Thạnh Hưng và Khu dân cư đường Trương Định nối dài, chi tiết như sau:

- Tổng giá trị đầu tư ước tính của Công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính đến thời điểm 31/03/2013 là 107.754.098.914 đồng, trong đó chi phí thực chi đến 31/03/2013 là 88.282.226.870 đồng.
Tổng diện tích đất thương phẩm là 124.492 m²
Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong năm quý I năm 2013 là 0 m².
- Tổng giá trị đầu tư ước tính của Công trình Khu dân cư đường Trương Định nối dài dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính đến thời điểm 31/03/2013 là 148.052.112.407 đồng, trong đó chi phí thực chi đến 31/03/2013 là 108.291.079.287 đồng.
Tổng diện tích đất thương phẩm là 70.967,52 m²
Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong quý I năm 2013 là 0 m².

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/03/2013	01/01/2013
Tiền mặt tại quỹ	285.280.777	115.514.309
Tiền gửi ngân hàng	9.907.972.615	19.435.378.241
+ Tiền gửi VND	9.807.331.091 (1.1)	19.334.300.318
+ Tiền gửi USD	8.555.396 (1.2)	8.502.000
+ Tiền gửi EUR	92.086.128 (1.3)	92.575.923
Các khoản tương đương tiền	25.394.782.480 (1.4)	16.185.444.661
Cộng	35.588.035.872	35.736.337.211

(1.1) Bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng sau:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	8.284.110.238
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	6.474.089
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng	9.726.583
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà ĐBSCL - Chi nhánh Tiền Giang	1.504.255.616
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Thị xã Gò Công	2.186.900
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	577.665
Cộng	9.807.331.091

(1.2) Tương đương 408,83 USD.

(1.3) Tương đương 3.395,37 EUR.

(1.4) Bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng sau:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang	19.802.846.015
Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL – Chi nhánh Tiền Giang	5.029.358.145
Ngân hàng TMCP Hàng hải - Chi nhánh Tiền Giang	562.578.320
Cộng	25.394.782.480

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/03/2013	01/01/2013
Phải thu khách hàng	50.215.608.973 (2.1)	79.284.050.220

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Trả trước cho người bán	3.621.164.103	(2.2)	3.277.563.471
Các khoản phải thu khác	21.354.598.181	(2.3)	19.246.505.165
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(3.810.315.096)	(2.4)	(3.835.531.896)
Cộng	71.381.056.161		97.972.586.960

(2.1) Trong đó các khoản phải thu các khách hàng chủ yếu sau:

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40	6.932.379.252
Công ty TNHH MTV Xây Dựng TICCOCO	2.344.376.758
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Thủy Lợi 9	2.475.314.834
Khách hàng mua đất KDC Long Thanh Hưng	3.045.267.415
Ban Quản lý Dự Án Cải tạo kênh Ba Bò	289.366.513
Khách hàng mua đất KDC Mỹ Thạnh Hưng	1.236.371.000
Khách hàng mua đất KDC đường Trương Định nối dài	11.129.641.661
BQL Các DA ĐT và Xây dựng chuyên ngành NN Long An	565.975.000
Ban QLDA XD CT GT Đồng Tháp	150.077.000
Sở Nông Nghiệp và PTNT Trà Vinh	2.524.457.000
BQL Các DA ĐT và Xây dựng chuyên ngành NN Kiên Giang	7.618.676.000
Bê tông thương phẩm (nhiều đối tượng)	1.533.769.863
Ban Quản lý các DA XD CT GT Tiền Giang	433.714.000
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Thủy Lợi 10	3.094.000.000

(2.2) Trong đó những khoản trả trước cho các nhà cung cấp chủ yếu sau:

Công ty Sagel	115.496.500
XNTVTK-Cty CP Đ.Ô.T.Bình - Sông Đốc	165.588.000
Công ty Kiến trúc P.A	50.000.000
Công ty CP TV TK XD Simon	56.000.000
BBT Hỗ trợ & TĐC TX Gò Công	865.851.054
DNTN Tấn Hưng 1	40.349.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCOCO	1.791.109.880
Cty Điện Nước Thiên Việt - Bình Lợi	209.000.000

(2.3) Trong đó khoản phải thu khác của các đối tượng chủ yếu sau:

Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCOCO	231.592.108
LN phải thu từ công ty TNHH MTV Bê tông TICCOCO	7.790.621.638
LN phải thu từ công ty TNHH MTV Xây dựng TICCOCO	2.233.417.283
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOCO (hợp đồng vay)	5.000.000.000
Sở Tài chính tỉnh An Giang	416.416.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng TICCOCO An Giang	
(Nợ gốc và lãi vay dài hạn chi hộ mua xăng thối)	1.455.003.512

(2.4) Bao gồm khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập theo các tỷ lệ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đối tượng	Số dư ngày 31/03/2013	Tỷ lệ (%)	Mức dự phòng đã trích lập
Trần Minh Hiếu	26.500.000	30%	7.950.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40	737.222.750	50%	368.611.375
Đặng Thị Linh - KDC Long Thạnh Hưng	512.000.000	70%	358.400.000
Võ Trọng Kỳ	19.400.000	70%	13.580.000
Công ty TNHH TK&QC Đ.P.Nam	16.181.000	70%	11.326.700
XNTVTK-Cty CP Đ.Ô.T.Bình - Sông Đốc	165.588.000	70%	115.911.600
DNTN Tấn Hưng 1	40.349.000	70%	28.244.300
Công ty CP XD & KD vật tư - kê chống xói lở biển gành hào	321.630.568	70%	225.141.398
Bê tông thương phẩm (nhiều đối tượng)	1.533.769.863	100%	1.533.769.863
Công ty Sagel	115.496.500	100%	115.496.500
Công ty Kiến trúc P.A	50.000.000	100%	50.000.000
Công ty CP TV TK XD Simon (NMBT)	56.000.000	100%	56.000.000
Công ty CP XDGT Thủy lợi Kiên Giang	925.883.360	100%	925.883.360
Cộng	4.520.021.041		3.810.315.096

3. Hàng tồn kho

	31/03/2013		01/01/2013
Nguyên vật liệu	56.046.776		135.691.517
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	64.733.908.951	(*)	57.309.083.881
Hàng hóa	2.033.235.551		858.770.273
Cộng	66.823.191.278		58.303.545.671

(*) Bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình sau:

Khu dân cư Long Thạnh Hưng	19.252.633.189
Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng	538.593.105
Khu dân cư đường Trương Định nối dài	34.309.427.224
Công trình khu nhà vườn huyện Tân Phước	2.484.643.908
Công trình khu biệt thự mẫu Long Thạnh Hưng	1.324.253.159
Khu dân cư Sông Đốc	31.468.000

4. Tài sản ngắn hạn khác

	31/03/2013		01/01/2013
Chi phí trả trước ngắn hạn	267.342.264		64.250.000
Thuế GTGT được khấu trừ	-		60.000.000
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-		-
Tài sản ngắn hạn khác	2.217.165.334	(*)	1.281.067.051
Cộng	2.484.507.598		1.405.317.051

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Bao gồm:

Tài sản thiếu chờ xử lý	41.000.000
Tạm ứng	2.176.165.334
Cộng	2.217.165.334

5. Phải thu dài hạn khác

	31/03/2013		01/01/2013
Phải thu dài hạn Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	26.993.801.793	(*)	30.778.741.393
Cộng	26.993.801.793		30.778.741.393

(*) Bao gồm:

Nợ thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính II Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam mà công ty thuê hộ	659.200.000
Khoản vay để xây nhà máy bê tông	3.393.492.470
Phải thu tiền thanh lý tài sản	5.244.648.923
Lợi nhuận các năm công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	17.696.460.400
Cộng	26.993.801.793

6. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	01/01/2013	Tăng	Giảm	31/03/2013
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	3.114.827.697			3.114.827.697
Máy móc, thiết bị	3.335.654.746	742.877.025		4.078.531.771
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.432.748.907			3.432.748.907
Thiết bị quản lý	504.321.097			504.321.097
Cộng	10.387.552.447	742.877.025		11.130.429.472
Giá trị hao mòn lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.411.514.289	92.164.234		1.503.678.523
Máy móc, thiết bị	859.920.382	234.414.409		1.094.334.791
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.833.638.485	98.906.760		1.932.545.245
Thiết bị quản lý	298.131.816	29.152.879		327.284.695
Cộng	4.403.204.972	454.638.282		4.857.843.254
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.703.313.408			1.611.149.173
Máy móc, thiết bị	2.475.734.364			2.984.196.980
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.599.110.422			1.500.203.664
Thiết bị quản lý	206.189.281			177.036.402
	5.984.347.475			6.272.586.218

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Trong đó, nguyên giá tài sản cố định đến ngày 31/03/2013 đã thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Công ty trị giá 4.621.645.189 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định đến ngày 31/03/2013 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.494.480.080 đồng.

7. Bất động sản đầu tư

Quyền sử dụng đất	01/01/2013	Tăng	Giảm	31/03/2013
Nguyên giá	802.108.000	-	-	802.108.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Giá trị còn lại	802.108.000			802.108.000

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài nên không tính khấu hao.

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/03/2013		01/01/2013
Đầu tư vào công ty con	72.519.345.695	(8.1)	72.519.345.695
Đầu tư vào công ty liên kết	260.000.000	(8.2)	260.000.000
Cộng	72.779.345.695		72.779.345.695

(8.1) Thông tin chi tiết về các công ty con tại ngày 31/03/2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị khoản đầu tư	Tỷ lệ quyền sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCOC	Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	38.000.000.000	100,00%	100,00%	Sản xuất kinh doanh bê tông
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCOC	Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	20.000.000.000	100,00%	100,00%	Thi công công trình
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng TICCOC An Giang	Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	14.519.345.695	72,60%	72,60%	Thi công công trình
Cộng		72.519.345.695			

(8.2) Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31/03/2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị khoản đầu tư	Tỷ lệ quyền sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty cổ phần Testco	KCN Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	260.000.000	20,00%	20,00%	Kiểm định, thử nghiệm chất lượng công trình

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được công ty ghi nhận phát sinh từ khoản trích trước chi phí thực hiện các dự án khu dân cư Long Thạnh Hưng, khu dân cư đường Trương Định nối dài và các chi phí khác, chi tiết như sau:

	Tài sản thuế hoãn lại từ các khoản chi phí trích trước
Số dư tại ngày 01/01/2013	6.372.802.369
Chuyển sang lợi nhuận trong kỳ	
Số dư tại ngày 31/03/2013	6.372.802.369

Khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo quy định kế toán hiện hành cho mục đích lập BCTC:

	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	0	931.661.774
Cộng	0	931.661.774

10. Nợ ngắn hạn

	31/03/2013	01/01/2013
Vay và nợ ngắn hạn	2.086.922.106 (10.1)	6.486.471.086
Phải trả người bán	30.457.845.169 (10.2)	40.222.343.742
Người mua trả tiền trước	29.775.062.131 (10.3)	19.310.179.222
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.844.027.528 (10.4)	6.398.638.466
Phải trả người lao động	2.070.804.429	3.041.149.865
Chi phí phải trả	47.561.478.652 (10.5)	47.579.649.705
Phải trả, phải nộp khác	5.453.616.402 (10.6)	6.695.681.922
Dự phòng phải trả ngắn hạn	312.502.669 (10.7)	307.044.673
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.244.513.039	3.420.475.280
Cộng	123.806.772.125	133.461.633.961

(10.1) Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012 ngày 14 tháng 03 năm 2013:

- Hạn mức tín dụng tối đa: 5.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng và gia công sửa chữa thiết bị cơ khí;
- Lãi suất: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- Thời hạn vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể;
- Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2012/HĐ ngày 06/11/2012 - tài sản thế chấp theo giá trị định giá của ngân hàng là 2.150.877.273 đồng theo Biên bản định giá ngày 22/10/2012 và Hợp đồng thế

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

chấp bắt động sản số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012 - thế chấp Quyền sử dụng đất thuê tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P.9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

– Số dư tại ngày 31/03/2013 theo các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể sau:

STT	Số Hợp đồng	Ngày hợp đồng	Số tiền vay	Thời hạn vay (tháng)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Số dư tại ngày 31/03/2013
1	38/2012/HĐ	12/11/2012	193.200.000	6	12/05/2013	10,50%	193.200.000
2	39/2012/HĐ	14/11/2012	185.748.000	6	14/05/2013	10,50%	185.748.000
3	40/2012/HĐ	19/11/2012	415.114.071	6	19/05/2013	10,50%	415.114.071
4	41/2012/HĐ	27/11/2012	300.840.000	6	27/05/2013	10,50%	300.840.000
5	42/2012/HĐ	30/11/2012	289.800.000	6	30/05/2013	11,00%	289.800.000
6	43/2012/HĐ	04/12/2012	150.000.000	6	04/06/2013	11,00%	150.000.000
7	44/2012/HĐ	10/12/2012	150.972.000	6	10/06/2013	11,00%	150.972.000
8	01/2013/HĐ	22/02/2013	237.600.000	6	22/08/2013	11,00%	237.600.000
9	02/2013/HĐ	26/02/2013	163.648.035	6	26/08/2013	11,00%	163.648.035
Tổng			2.086.922.106				2.086.922.106

(10.2) Chủ yếu là khoản phải trả cho các nhà cung cấp sau:

Công ty CP Cơ khí và Xây lắp 276	633.832.000
Công ty cấp thoát nước Tiền Giang	70.839.616
Công ty CP công nghệ CN Intec	850.853.333
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCOC	25.676.387.045
Công ty CP ĐT XD TL Lâm Đồng	269.500.446
Công ty XD TM Vinh Quang	391.798.729
Công ty TNHH XD Hữu Quế	199.998.718
Công ty nạo vét đường thủy 2	182.461.000

(10.3) Chủ yếu là khoản người mua trả trước sau:

Khách hàng ứng trước tiền mua đất KDC Trương Định nổi dài	9.634.621.909
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thủy lợi 10	12.491.680.000
Khách hàng ứng trước tiền mua đất KDC Long Thạnh Hưng	1.056.286.500
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Sóc Trăng	3.010.000.000
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Cà Mau	1.997.000.000

(10.4) Bao gồm:

Thuế thu nhập cá nhân	18.683.845
Thuế thu nhập doanh nghiệp	888.045.552
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	2.937.298.131
Cộng	3.844.027.528

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(10.5) Chủ yếu là các khoản chi phí trích trước cho các công trình sau:

KDC Long Thanh Hưng	13.195.678.631
Trích trước kinh phí nghiệm thu công trình Bình Lợi	509.090.909
Chi phí ước tính KDC Trương Định giai đoạn 2	33.458.625.902
Trích trước KPNT Khu neo đậu tránh trú bão	133.244.385

(10.6) Chủ yếu là các khoản phải trả sau:

Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp	1.900.423.465
Giá trị QSDĐ của các cá nhân để hoán đổi với nền đất dự án Khu dân cư đường Trương Định nối dài	258.999.998
Hoa hồng bán hàng	623.821.949

(10.7) Chủ yếu là khoản trích trước dự phòng chi phí bảo hành.

Số dư tại ngày 01/01/2013	307.044.673
Trích lập trong kỳ	17.580.129
Sử dụng trong kỳ	12.122.133
Hoàn nhập trong kỳ	
Số dư tại ngày 31/03/2013	312.502.669

11. Vay và nợ dài hạn

	31/03/2013	01/01/2013
Vay dài hạn	10.376.400.000 (11.1)	23.886.508.755
Nợ thuê tài chính dài hạn	658.800.000 (11.2)	1.140.200.000
Cộng	11.035.200.000	25.026.708.755

(11.1) Bao gồm các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng theo các hợp đồng sau:

Ngân hàng	Hợp đồng vay	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Mục đích vay	Tài sản thế chấp	Số dư 31/03/2013
Ngân hàng TMCP Đầu tư & phát triển Việt Nam - chi nhánh Tiền Giang	01/2012/HĐ	29/08/2012	60 tháng	Mua máy cắt thép và máy chấn tole	Tài sản hình thành từ vốn vay	376.400.000
Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long - chi nhánh Tiền Giang	TD.1079.10/HĐTD	09/03/2011	21 tháng	Bổ sung vốn bồi thường, hỗ trợ dự án khu dân cư đường Trương Định nối dài.	Giá trị quyền sử dụng đất tọa lạc tại phường 5 thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang (bao gồm các nền nhà liên kế và nền biệt thự với tổng diện tích 44.158 m ² có trị giá 89.000.000.000 đồng theo biên bản định giá tài sản ngày 25/12/2010.	10.000.000.000
Cộng						10.376.400.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(11.2) *Nợ thuê tài chính của Công ty TNHH Cho thuê Tài chính II NHĐT & PTVN theo Hợp đồng thuê tài chính số 050/2007/HĐCTTC ngày 08/03/2007:*

- *Tài sản thuê: Máy hàn lồng thép MBK, máy BFS Souveraen, máy BFS Jumbo;*
- *Thời hạn thuê: 72 tháng;*
- *Lãi suất thả nổi;*
- *Số dư tại ngày 31/03/2013 là 658.800.000 VND;*
- *Nợ đến hạn trả 2013: 658.800.000 VND.*

Tài sản thuê tài chính của khoản thuê này đã bàn giao cho Công ty TNHH MTV Bê Tông TICCO (Công ty con) sử dụng.

12. Vốn chủ sở hữu

(12.1) *Tình hình vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại ngày 01/01/2013	80.000.000.000	10.700.000.000	36.724.043.436	6.272.578.035	18.876.359.821
Tăng trong kỳ	-	-			2.777.290.257
Giảm trong kỳ	-	-			
Số dư tại ngày 31/12/2012	80.000.000.000	10.700.000.000	36.724.043.436	6.272.578.035	21.653.650.078

(12.2) *Vốn điều lệ*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty tương ứng là 80.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/03/2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ theo giấy phép.

(12.3) *Cổ phiếu*

	31/03/2013	31/03/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/ cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(12.4) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/03/2012
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.732.354.381	788.148.053
- Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	2.732.354.381	788.148.053
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.000.000	8.000.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	342	99

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
1.1. Tổng doanh thu	16.495.130.685	10.313.045.594
- Doanh thu xây dựng	11.045.951.229	2.395.027.272
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	3.687.500.000
- Doanh thu bán vật liệu xây dựng	3.596.079.204	1.239.049.359
- Doanh thu Xí nghiệp Cơ khí	1.853.100.252	2.991.468.963
- Doanh thu khác	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	26.879.091	-
- Giảm giá hàng bán	26.879.091	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần	16.468.251.594	10.313.045.594
- Doanh thu xây dựng	11.019.072.138	2.395.027.272
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	3.687.500.000
- Doanh thu bán vật liệu xây dựng	3.596.079.204	1.239.049.359
- Doanh thu Xí nghiệp Cơ khí	1.853.100.252	2.991.468.963
- Doanh thu khác	-	-
1.2. Doanh thu hoạt động tài chính	3.990.648.528	371.254.996
- Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu	474.883.220	248.527.723
- Lãi cho vay	161.703.017	122.727.273
- Cổ tức, lợi tức được chia từ công ty liên kết	11.016.602	-
- Cổ tức, lợi tức được chia từ các công ty con	3.343.045.689	-
1.3. Thu nhập khác	26.325.145	15.151.533
- Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	-	4.500.000
- Thu nhập khác	26.325.145	10.651.533

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Giá vốn hàng bán

	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
- Giá vốn xây dựng	9.756.228.455	2.332.697.400
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	1.874.597.000
- Giá vốn bán vật liệu xây dựng	3.142.016.214	846.222.713
- Giá vốn Xí nghiệp Cơ khí	1.551.414.743	1.892.069.000
Cộng	14.449.659.412	6.945.586.113

3. Chi phí tài chính

	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
- Chi phí lãi vay	178.219.923	306.403.421
Cộng	178.219.923	306.403.421

4. Chi phí bán hàng

	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
- Chi phí nhân viên	140.718.052	208.982.441
- Chi phí vật liệu, bao bì	158.122.618	
- Chi phí dụng cụ đồ dùng	-	5.146.362
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.653.718	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.374.413	13.913.316
- Chi phí bằng tiền khác	266.544.394	85.155.456
Cộng	611.413.195	313.197.577

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
- Chi phí nhân viên quản lý	1.006.512.431	768.023.440
- Chi phí vật liệu quản lý	79.521.977	85.190.007
- Chi phí đồ dùng văn phòng	89.540.184	114.951.231
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	180.479.162	212.595.044
- Thuế, phí và lệ phí	35.825.215	12.085.185
- Chi phí dự phòng	(25.216.800)	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	199.780.419	122.429.703
- Chi phí bằng tiền khác	921.962.391	522.300.764
Cộng	2.488.404.979	1.837.575.374

6. Chi phí khác

	Quý I năm 2013	Quý I năm 2012
- Chi phạt	1.158.992	-
- Xử lý công nợ	136.000	3.036.000
Cộng	1.294.992	3.036.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các bên liên quan

1.1. Chi tiết giao dịch trong quý I năm 2013 với các bên liên quan

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
BÁN			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Lãi thuê tài chính	50.563.399
		XN KD VLXD bán vật liệu xây dựng	1.870.984.745
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Chi phí bảo lãnh dự thầu	31.592.108
		Chi phí gia công	79.144.033
		Bán VLXD	214.359.091
		XN CK SC điện năng	14.020.668
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Công ty con	Lãi chậm trả phải thu	49.203.017
		Chi phí bảo lãnh dự thầu	6.315.165
MUA			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Mua bê tông	100.041.000
		Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa mua bê tông	35.982.455
		Cho thuê cần cạp	41.267.273
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Khối lượng công trình nghiệm thu	9.518.144.179
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Công ty con	Khối lượng công trình nghiệm thu	446.919.673

1.2. Chi tiết số dư tại ngày 31/03/2013 với các bên liên quan

Bên liên quan	Quan hệ	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 31/03/2013
PHẢI THU			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Phải thu khách hàng	9.297.341.393
		Phải thu khác	30.487.082.038
		Phải thu tiền bán VLXD	1.242.809.340
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Phải thu khách hàng	2.344.376.758
		Phải thu tiền bán VLXD	130.473.888
		Phải thu khác	2.465.009.391
		Gia công sản phẩm cơ khí	423.819.098
		Trả trước cho người bán	1.791.109.880
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Công ty con	Phải thu khách hàng	24.559.675
		Phải thu khác	1.455.003.512

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Quan hệ	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 31/03/2013
PHẢI TRẢ			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Phải trả tiền thuê cần cầu	45.394.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Phải trả người bán	25.676.387.045
		Người mua trả tiền trước	160.977.000

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán. Số liệu quý I năm 2013 của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được so sánh với số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của quý I năm 2012. Trong kỳ kế toán có điều chỉnh sai sót của năm 2012 làm ảnh hưởng đến lợi nhuận chưa phân phối là 44.935.876 đồng.

Tiền Giang, ngày 18 tháng 04 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



LÊ MỸ PHƯỢNG

NGUYỄN HOÀNG SƠN

TRẦN HOÀNG HUÂN